

Số: 0578 /26/CV-VDN

Về việc thông báo sửa đổi hồ sơ công bố TCCS  
02/VDN/2026 và nhãn sản phẩm

Đồng Nai, ngày 05 tháng 06 năm 2026

Kính gửi: Sở Y tế thành phố Đồng Nai

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Sở đã hỗ trợ, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty chúng tôi nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm tại Đồng Nai trong suốt thời gian qua.

Sản phẩm “Konjac ChaCheer vị cay” của Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam nhập khẩu đã thực hiện tự công bố số TCCS 02/VDN/2026 và được đăng tải trên trang thông tin điện tử [sy.t.dongnai.gov.vn](http://sy.t.dongnai.gov.vn) ngày 30 tháng 01 năm 2026.

Trong Hồ sơ tự công bố nói trên, Công ty chúng tôi có kèm theo nhãn hàng hóa có khối lượng tịnh 18 g và 90 g (5 gói x 18 g).

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, nay Công ty chúng tôi xin thông báo sửa đổi hồ sơ tự công bố và nhãn của sản phẩm nêu trên, nội dung cụ thể như sau:

| Hạng mục thay đổi                | Trước sửa đổi                                                                                       |                                               |           |             | Sau sửa đổi                                                                                              |                                               |           |             |
|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------|-------------|
| Địa chỉ tổ chức công bố sản phẩm | CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM<br>Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |                                               |           |             | CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM<br>Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam |                                               |           |             |
| Số TCCS                          | TCCS 02/VDN/2026                                                                                    |                                               |           |             | TCCS 02:2026/VDN                                                                                         |                                               |           |             |
| Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu      | Stt                                                                                                 | Tên chỉ tiêu                                  | Đơn vị    | Mức công bố | Stt                                                                                                      | Tên chỉ tiêu                                  | Đơn vị    | Mức công bố |
|                                  | 1                                                                                                   | Năng lượng                                    | kcal/100g | 65 – 85     | 1                                                                                                        | Năng lượng                                    | kcal/100g | 52 – 96     |
|                                  | 2                                                                                                   | Hàm lượng chất béo                            | g/100g    | 2,4 – 3,7   | 2                                                                                                        | Hàm lượng chất béo                            | g/100g    | 2,37 – 4,41 |
|                                  | 3                                                                                                   | Hàm lượng Natri (Na)                          | mg/100g   | 900 – 1500  | 3                                                                                                        | Hàm lượng Natri (Na)                          | mg/100g   | 760 – 1411  |
|                                  | 4                                                                                                   | Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ) | g/100g    | 8,0 – 11,5  | 4                                                                                                        | Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm chất xơ) | g/100g    | 6,87 – 12,8 |
|                                  | 5                                                                                                   | Hàm lượng chất đậm                            | g/100g    | 0,75 – 1,15 | 5                                                                                                        | Hàm lượng chất đậm                            | g/100g    | 0,68 – 1,26 |

|                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                         |        |           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                         |        |             |
|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------|-------------|
|                                              | 6                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hàm lượng đường tổng số | g/100g | 1,0 – 2,5 | 6                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Hàm lượng đường tổng số | g/100g | 1,26 – 2,34 |
| Bảng thông tin dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm | <b>Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng</b><br>(có trong 100 g sản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                         |        |           | <b>Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng(*)</b><br>(có trong 100 g sản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                         |        |             |
|                                              | Năng lượng 65 – 85 kcal<br>Chất đạm 0,75 – 1,15 g<br>Carbohydrat 8,0 – 11,5 g<br>Chất béo 2,4 – 3,7 g<br>Natri 900 – 1500 mg<br>Đường tổng số 1,0 – 2,5 g                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                         |        |           | Năng lượng 74 kcal<br>Chất đạm 0,97 g<br>Carbohydrat 9,82 g<br>Chất béo 3,39 g<br>Natri 1085 mg<br>Đường tổng số 1,80 g                                                                                                                                                                                                                                                          |                         |        |             |
| Nội dung ghi nhãn                            | Nội dung ghi nhãn phù hợp với:<br>- Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.<br>- Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.<br>- Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm. |                         |        |           | Nội dung ghi nhãn phù hợp với:<br>- Nghị định 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.<br>- Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm. |                         |        |             |

Nhãn sau sửa đổi như phụ kiện đính kèm.

Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ, thực hiện tốt việc quản lý sản phẩm, nhãn sản phẩm nêu trên khi lưu thông trên thị trường.

Cuối cùng, Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VPTGD, Phòng ĐBCL

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
 Ni Chih Hao



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

# Chacheer



## KONJAC CHACHEER VỊ CAY

**Thành phần:** Nước, chất làm dày (bột konjac) (7,02%), dầu đậu nành, tinh bột bắp, tinh bột sắn, chất làm dày (INS 1414), muối, đường, chất điều vị (INS 621), gia vị tỏi, ớt (0,5%), hương liệu cay nhân tạo, chất điều chỉnh độ acid (INS 330), chất điều vị (INS 635), tiêu, chiết xuất nấm men, chất chống oxy hóa (INS 316), gia vị bột ớt.

**Khối lượng tịnh:** 18 g

**NSX, HSD:** Xem trên bao bì.

**Hướng dẫn sử dụng:** Ăn liền sau khi mở bao bì.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được để nên và không tác động lực mạnh.

**Thông tin cảnh báo:** Sản phẩm chứa dầu đậu nành và có thể chứa lúa mì.

**Nhà sản xuất:** CHENGDU ZHENGRI LAOMOFANG FOOD CO., LTD.

**Địa chỉ:** No.20, 1#, Upper Section of Gongye Avenue, Heshan Town, Pujiang County, Chengdu, Sichuan, China

**Xuất xứ:** Trung Quốc

**Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:** CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

**Địa chỉ:** Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam

**Free Hotline:** 1800 599 902

**Website:** www.vedan.com.vn

**TCCS 02:2026/VDN**

### Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng(\*) (có trong 100 g sản phẩm)

|               |         |
|---------------|---------|
| Năng lượng    | 74 kcal |
| Chất đạm      | 0,97 g  |
| Carbohydrat   | 9,82 g  |
| Chất béo      | 3,39 g  |
| Natri         | 1085 mg |
| Đường tổng số | 1,80 g  |

(\*) Giá trị dinh dưỡng trung bình. Giá trị thực tế có thể dao động trong phạm vi  $\pm 30\%$  so với giá trị ghi trên nhãn.



6 937351 730864





1



2



3



4

#### KONJAC CHACHEER VỊ CAY

**Thành phần:** Nước, chất làm dày (bột konjac) (7,02%), dầu đậu nành, tinh bột bắp, tinh bột sắn, chất làm dày (INS 1414), muối, đường, chất điều vị (INS 621), gia vị tỏi, ớt (0,5%), hương liệu cay nhân tạo, chất điều chỉnh độ acid (INS 330), chất điều vị (INS 635), tiêu, chiết xuất nấm men, chất chống oxy hóa (INS 316), gia vị bột ớt.

**Khối lượng tịnh:** 90 g (5 gói x 18 g)

**NSX, HSD:** Xem trên bao bì.

**Hướng dẫn sử dụng:** Ăn liền sau khi mở bao bì.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp của mặt trời, không được đè nén và không tác động lực mạnh.

**Thông tin cảnh báo:** Sản phẩm chứa dầu đậu nành và có thể chứa lúa mì.

**Nhà sản xuất:** CHENGDU ZHENGRI LAOMOFANG FOOD CO., LTD.  
**Địa chỉ:** No.20,1#, Upper Section of Gongye Avenue, Heshan Town, Pujiang County, Chengdu, Sichuan, China

**Xuất xứ:** Trung Quốc

**Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:**  
CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

**Địa chỉ:** Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam  
**Free Hotline:** 1800 599 902

**Website:** www.vedan.com.vn

**TCCS 02:2026/VDN**

#### Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng(\*) (có trong 100 g sản phẩm)

|               |         |
|---------------|---------|
| Năng lượng    | 74 kcal |
| Chất đạm      | 0,97 g  |
| Carbohydrat   | 9,82 g  |
| Chất béo      | 3,39 g  |
| Natri         | 1085 mg |
| Đường tổng số | 1,80 g  |

(\*) Giá trị dinh dưỡng trung bình. Giá trị thực tế có thể dao động trong phạm vi  $\pm 30\%$  so với giá trị ghi trên nhãn.

